

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ LỤC BA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 84/QĐ-UBND

Lục Ba, ngày 05 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán Ngân sách
nhà nước xã Lục Ba 6 tháng đầu năm 2023**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ LỤC BA

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ biên bản thảo luận kế hoạch thu chi ngân sách xã Lục Ba năm 2023 ngày 30/11/2022 giữa UBND xã Lục Ba và phòng Tài chính- Kế hoạch huyện Đại từ, chi cục thuế khu vực Sông Công- Đại Từ

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 23/12/2022 của HĐND xã Lục Ba về phê duyệt dự toán ngân sách xã Lục Ba năm 2023;

Xét đề nghị của ban Tài chính xã Lục Ba.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi Ngân sách xã Lục Ba 6 tháng đầu năm 2023 (theo các biểu kèm theo Quyết định này)

- Hình thức công khai: Đăng lên cổng thông tin điện tử của xã, gửi các trưởng xóm, niêm yết tại xóm, niêm yết tại trụ sở UBND ít nhất 30 ngày, phát trên loa truyền thanh của xã vào buổi sáng sớm hoặc chiều tối ít nhất 02 lần trong 1 tuần trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký quyết định công khai.

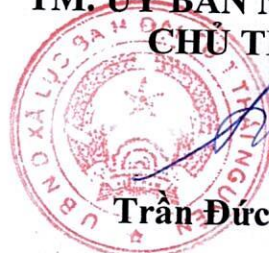
Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng UBND, ban Tài chính xã Lục Ba tổ chức thực hiện quyết định này.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân huyện
- Phòng tài chính Huyện Đại Từ, KBNN;
- Đảng ủy, HĐND (b/c)
- UBMTTQ, các đoàn thể;
- Các đại biểu HĐND;
- Lưu VP, ban tài chính;

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Đức Tuân

ỦY BAN NHÂN DÂN

XÃ LỤC BA

Số 71/BC-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lục Ba, ngày 05 tháng 7 năm 2023

THUYẾT MINH

Tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015 và có hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 2017;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Quyết định số 8868/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND huyện Đại Từ về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước huyện Đại từ năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-HĐND của HĐND xã Lục Ba họp ngày 29/12/2020 về phân bổ dự toán ngân sách xã Lục Ba năm 2023 và kết quả thực hiện các chỉ tiêu thu chi ngân sách của UBND xã Lục Ba 6 tháng đầu năm 2023. UBND xã Lục Ba báo cáo số liệu cụ thể như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ

I - ĐẶC ĐIỂM CHUNG

Thu chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2023 xã Lục Ba nhìn chung đã hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, và có những thuận lợi, khó khăn như sau:

- Thuận lợi:

Công tác thu chi ngân sách thường xuyên được sự quan tâm của Đảng ủy, HĐND và UBND sự quan tâm giúp đỡ của phòng Tài chính-KH huyện, Kho bạc NN huyện trong việc quản lý và điều hành ngân sách, sự phối hợp của chi cục Thuế huyện cho nên 6 tháng đầu năm thu trên địa bàn: 127.703.689/230.000.000 đạt 55,5% Kế hoạch, phần ngân sách xã hưởng: 77.601.000/130.000.000 đạt 57,9% Kế hoạch giao. Chi ngân sách đảm bảo kịp thời các nhiệm vụ chi lương, phụ cấp, bảo hiểm xã hội cho cán bộ, kinh phí hoạt động của Đảng, HĐND, các ban ngành đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội.

Cấp kinh phí cho các nhiệm vụ phát sinh trong 6 tháng đầu năm như Đại hội hội Nông dân, hội Nạn nhân Da cam và các nhiệm vụ khác...

- Khó khăn:

Bên cạnh những thuận lợi như trên, công tác thu chi Ngân sách 6 tháng đầu năm 2023 của UBND xã Lục Ba vẫn còn những hạn chế, khó khăn một số khoản thu còn đạt thấp, kinh phí phát sinh cho Đại hội nhiệm kỳ của hội Nông dân và hội nạn nhân Da cam không được cấp mà phải cân đối từ chi thường xuyên ngân sách xã cho nên khó khăn cho việc cân đối các khoản chi tại xã.

II- Kết quả thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2023

1. Thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách:

Năm 2023 dự toán đầu năm: 5.400.674.000 đồng, thực hiện: 4.013.128.891 đồng đạt 74,31 % kế hoạch trong đó:

- Thu trợ cấp: 3.130.121.000 đồng bằng 63,4 % kế hoạch

- Thu chuyển nguồn: 805.406.411 đồng

- Thu cân đối từ thuế và phí kế hoạch giao: 230.000.000 đồng. Thực hiện: 127.703.689 đạt 55,5% trong đó thu phần xã hưởng: 77.601.000 đồng, đạt 57,9% kế hoạch năm và bằng 228% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể các khoản thu như sau:

+ Phí, lệ phí kế hoạch giao: 16.000.000 đồng, thực hiện 5.531.000 đồng đạt 34,6 % kế hoạch.

+ Thuế môn bài kế hoạch giao: 7.000.000 đồng, thực hiện 7.100.000 đồng đạt 101,43% kế hoạch.

+ Thuế GTGT kế hoạch giao: 60.000.000 đồng, thực hiện 40.790.900 đồng đạt 67,98% kế hoạch giao.

+ Lệ phí trước bạ nhà, đất kế hoạch giao: 16.000.000 đồng, thực hiện 12.179.580 đồng đạt 76,12% kế hoạch giao.

+ Thu khác (thu phạt trong lĩnh vực ANTT....) kế hoạch giao: 31.000.000 đồng thực hiện 12.000.000 đồng đạt 38,7% kế hoạch giao.

(có biểu số 113,114/CKTC-NSNN kèm theo)

2. Chi ngân sách.

Thực hiện chi đến ngày 30/6/2023: 3.668.234.471 đồng đạt 68,35% kế hoạch. Trong đó:

2.1 Chi đầu tư: 967.000.000 đồng (xây cầu ông Hiên)

2.2 Chi thường xuyên: 2.701.234.471 đồng

Chi tiết một số khoản chi chính như sau:

- Chi công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự kế hoạch: 700.194.384 đồng, thực hiện : 345.859.889 đồng đạt 49,4% kế hoạch giao

- Sự nghiệp kinh tế dự toán: 31.500.000 đồng, thực hiện: 967.000.000 đồng (Thanh toán tiền công trình Cầu ông Hiên)

- Chi sự nghiệp xã hội dự toán: 167.819.3000 đồng, thực hiện: 71.688.900 đạt 42,72% kế hoạch.

- Chi quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể dự toán: 3.917.515.616 đồng, thực hiện: 2.262.229.682 đạt 57,75% kế hoạch.



(có biểu số 115/CKTC-NSNN kèm theo)

III- Đánh giá chung trong việc thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2023

Nhìn chung công tác thu ngân sách trên địa bàn đạt kế hoạch đề ra, chi ngân sách đảm bảo kịp thời cho hoạt động chuyên môn cũng như thanh toán chế độ tiền lương và phụ cấp cho cán bộ.

Phần thứ II:

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM

Từ kết quả đạt được và những chỉ tiêu thực hiện còn thấp 6 tháng đầu năm 2023. UBND xã Lục Ba đề ra những giải pháp 6 tháng còn lại như sau:

1- Thu ngân sách:

Tăng cường thu ngân sách trên địa bàn, phối hợp với chi cục thuế rà soát thu thuế vận tải, thu phí chứng thực... phân đầu năm 2023 hoàn thành kế hoạch giao.

2- Chi ngân sách:

Thực hiện quản lý chi ngân sách theo luật, đảm bảo chi đúng chi đủ và có trong dự toán được duyệt, thực hành tiết kiệm công lãng phí, tiết kiệm và hiệu quả.

- Đảm bảo cân đối thu chi: Ưu tiên chi trả lương, phụ cấp, cấp kinh phí kịp thời cho các hoạt động, quản lý chi tiêu tiết kiệm, hiệu quả, đúng định mức, chế độ tiêu chuẩn và có trong dự toán được duyệt.

- Hoàn tất hồ sơ các công trình XD CB tiếp tục triển khai làm đường bê tông các xóm khi được cấp xi măng và thanh quyết toán đầu tư XD CB đúng tiến độ.

- Rà soát kiểm đếm hỗ trợ nhân dân phá dỡ tường rào, bờ kè các xóm thực hiện thành công chương trình mở rộng đường làng ngõ xóm 6 mét.

Phân đầu hoàn thành các chỉ tiêu ngân sách được giao.

Trong quý 3 cùng các ban Mặt trận cơ sở xóm thu nộp thanh quyết toán các quỹ.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy xã Lục Ba ;
- TT HĐND xã Lục Ba ;
- Các vị ĐB HĐND xã Lục Ba;
- Chủ tịch, phó chủ tịch UBND xã;
- Lưu: VP UBND.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Đức Tuân



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ

Từ tháng 1 đến tháng 6 Năm 2023

(Kèm theo Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 05/7/2023)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (6 THÁNG, NĂM)	SỐ SÁNH (%)
A	B	1	2	3
I	Tổng số thu	5.400.674.000	4.013.128.891	74,31
1.	Các khoản thu 100%	47.000.000	17.531.000	37,3
2.	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	83.000.000	60.070.480	72,37
3.	Thu chuyển nguồn	333.765.000	805.406.411	241,31
4.	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.936.909.000	3.130.121.000	63,4
	- Bổ sung cân đối ngân sách	4.936.909.000	2.535.121.000	51,35
	- Bổ sung có mục tiêu		595.000.000	
II.	Tổng số chi	4.913.941.000	3.668.234.471	74,65
1.	Chi đầu tư phát triển		967.000.000	
2.	Chi thường xuyên	4.913.941.000	2.701.234.471	54,97
3.	Dự phòng			



ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ

Từ tháng 1 đến tháng 6 Năm 2023

(Kèm theo Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 05/7/2023)

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	1	2	3	4	5	6
Tổng số thu	5.500.674.000	5.400.674.000	4.061.231.100	4.013.128.891	73,83	74,31
I. Các khoản thu 100%	47.000.000	47.000.000	17.531.000	17.531.000	37,3	37,3
- Phí, lệ phí	16.000.000	16.000.000	5.531.000	5.531.000	34,57	34,57
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	26.000.000	26.000.000	7.000.000	7.000.000	26,92	26,92
- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
- Đóng góp của nhân dân theo quy định						
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
- Thu khác	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000	100	100
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	183.000.000	83.000.000	108.172.689	60.070.480	59,11	72,37
1. Các khoản thu phân chia	23.000.000	23.000.000	19.279.580	19.279.580	83,82	83,82
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						

- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	7.000.000	7.000.000	7.100.000	7.100.000	101,43	101,43
- Lệ phí trước bạ nhà, đất	16.000.000	16.000.000	12.179.580	12.179.580	76,12	76,12
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	160.000.000	60.000.000	88.893.109	40.790.900	55,56	67,98
- Thuế giá trị gia tăng	60.000.000	60.000.000	42.417.614	40.790.900	70,7	67,98
- Thuế TNDN	30.000.000					
- Thuế thu nhập cá nhân	70.000.000		46.475.495		66,39	
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV. Thu chuyển nguồn	333.765.000	333.765.000	805.406.411	805.406.411	241,31	241,31
V. Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.936.909.000	4.936.909.000	3.130.121.000	3.130.121.000	63,4	63,4
- Bổ sung cân đối ngân sách	4.936.909.000	4.936.909.000	2.535.121.000	2.535.121.000	51,35	51,35
- Bổ sung có mục tiêu			595.000.000	595.000.000		



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ

Từ tháng 1 đến tháng 6 Năm 2023

(Kèm theo Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 05/7/2023)

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Tổng chi ngân sách xã	4.913.941.000		4.913.941.000	3.668.234.471	967.000.000	2.701.234.471	74,65		54,97
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	700.194.384		700.194.384	345.859.889		345.859.889	49,39		49,39
- Chi dân quân tự vệ	452.818.384		452.818.384	236.495.889		236.495.889	52,23		52,23
- Chi trật tự an toàn xã hội	247.376.000		247.376.000	109.364.000		109.364.000	44,21		44,21
2. Chi giáo dục									
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4. Chi y tế	42.912.000		42.912.000	21.456.000		21.456.000	50		50
5. Chi văn hóa, thông tin	30.000.000		30.000.000						
6. Chi phát thanh, truyền hình									
7. Chi thể dục, thể thao	24.000.000		24.000.000						
8. Chi bảo vệ môi trường									
9. Chi các hoạt động kinh tế	31.500.000		31.500.000	967.000.000	967.000.000		3.069,84		
- Giao thông	11.500.000		11.500.000	967.000.000	967.000.000		8.408,70		
- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	20.000.000		20.000.000						
- Thị chính									
- Thương mại, du lịch									
- Các hoạt động kinh tế khác									
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.917.515.616		3.917.515.616	2.262.229.682		2.262.229.682	57,75		57,75

Trong đó: Quỹ lương				1.513.465.641		1.513.465.641		
10.1. Quản lý Nhà nước	1.969.235.383		1.969.235.383	1.221.496.049		1.221.496.049	62,03	62,03
10.2. Hội đồng nhân dân	316.494.510		316.494.510	195.569.050		195.569.050	61,79	61,79
10.3. Đảng Cộng sản Việt Nam	627.960.110		627.960.110	420.389.671		420.389.671	66,95	66,95
10.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	435.788.173		435.788.173	121.070.082		121.070.082	27,78	27,78
10.5. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	110.744.860		110.744.860	57.455.494		57.455.494	51,88	51,88
10.6. Hội Liên hiệp Phụ nữ	110.744.860		110.744.860	54.940.088		54.940.088	49,61	49,61
10.7. Hội Cựu chiến binh	102.041.770		102.041.770	46.680.862		46.680.862	45,75	45,75
10.8. Hội Nông dân	129.447.950		129.447.950	84.378.286		84.378.286	65,18	65,18
10.9. Hội Chữ Thập đỏ	24.585.000		24.585.000	10.888.700		10.888.700	44,29	44,29
10.10. Hội Người cao tuổi	26.105.000		26.105.000	14.077.400		14.077.400	53,93	53,93
10.11. Hội khuyến học	16.092.000		16.092.000	9.096.000		9.096.000	56,52	56,52
10.12. Chi hỗ trợ khác								
10.13. Hội Cựu Thanh niên XP	16.092.000		16.092.000	9.046.000		9.046.000	56,21	56,21
10.14. Hội Đông Y	16.092.000		16.092.000	8.046.000		8.046.000	50	50
10.15. Hội Nạn nhân Da cam	16.092.000		16.092.000	9.096.000		9.096.000	56,52	56,52
11. Chi cho công tác xã hội	167.819.000		167.819.000	71.688.900		71.688.900	42,72	42,72
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc	167.819.000		167.819.000	71.688.900		71.688.900	42,72	42,72
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa								
- Trợ cấp xã hội								
- Khác								
12. Chi khác								
13. Dự phòng								
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau								